

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ HÒA  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2024/DS-ST

Ngày: 21/8/2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng  
tín dụng”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG HÒA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Cao Thị Thu Hà;

*Các Hội thẩm nhân dân:* bà Huỳnh Thị Minh Hải và ông Nguyễn Thế Khoa.

**- Thư ký phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Thanh Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Hòa tham gia phiên tòa: ông Phan Công Đồ, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 74/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 05 năm 2024, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2024; quyết định hoãn phiên tòa số 30/2024/QĐST-DS ngày 31/7/2024 và Thông báo thời gian xét xử số 21/TB-TA ngày 06/8/2024 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương Mại Cổ phần B. Địa chỉ: A T, phường C, quận H, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Doãn S- Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Thị Thu T sinh năm 1994, chuyên viên xử lý nợ, Ngân hàng Thương Mại Cổ phần B - chi nhánh P. Địa chỉ: 1 H, phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên. (Theo giấy ủy quyền số 19/2024/GUQ-LPB.PY ngày 24/4/2024). Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt.

**2. Bị đơn:** bà Bùi Thị Thanh Y, sinh năm 1994 và ông Bùi Văn Đ, sinh năm 1972, địa chỉ: thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Bà Y, ông Đ vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/4/2024, bản tự khai và tài liệu có tại hồ sơ, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn **Ngân hàng TMCP B** (gọi tắt là Ngân hàng) trình bày:

Ngân hàng có cho bị đơn ông **Bùi Văn Đ** và bà **Bùi Thị Thanh Y** vay theo hợp đồng tín dụng số HDTD60020211343 ngày 09/6/2021, số tiền vay: 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), mục đích vay: tiêu dùng, mua sắm vật dụng gia đình, thời hạn vay 48 tháng (kể từ ngày 09/6/2021 đến 09/6/2025), lãi suất cho vay là 8,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất nợ lãi chậm trả 10%/năm. Nợ gốc được trả vào ngày 10 hàng tháng, trong vòng 48 tháng, số tiền phải trả từ tháng thứ 01 đến thứ 47 là 2.080.000đ/tháng, số tiền trả tháng thứ 48 là 2.240.000 đồng, ngày trả nợ gốc đầu tiên 10/7/2021, ngày trả nợ cuối cùng 09/6/2025. Ngân hàng đã giải ngân cho bị đơn số tiền vay 100.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi cho Ngân hàng, Ngân hàng đã nhiều lần làm việc và nhắc nhở nhưng bị đơn cố tình tránh né không thực hiện nghĩa vụ. Kể từ ngày 15/2/2024 đến nay bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng nữa. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn ông **Đ**, bà **Y** phải trả nợ cho Ngân hàng tính đến ngày xét xử sơ thẩm 21/8/2024 số tiền 29.350.780 đồng (trong đó nợ gốc 24.525.000 đồng, lãi quá hạn 4.489.435 đồng, lãi chậm trả 336.345 đồng) và lãi suất phát sinh cho đến khi bị đơn thanh toán hết nợ vay.

Bị đơn ông **Bùi Văn Đ**, bà **Bùi Thị Thanh Y** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng bị đơn không có văn bản gửi đến Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, đồng thời không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

#### **Tại phiên tòa:**

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn vắng mặt.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Hòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

Về thủ tục tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt, không tham gia tố tụng, phải chịu hậu quả pháp lý do sự vắng mặt của mình.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc bị đơn có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tính đến ngày xét xử sơ thẩm 21/8/2024 số tiền là 29.350.780 đồng (trong đó nợ gốc 24.525.000 đồng, lãi quá hạn 4.489.435 đồng, lãi chậm trả 336.345 đồng) và lãi phát sinh cho

đến khi thanh toán xong nợ; về án phí: bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: nguyên đơn khởi kiện bị đơn trả nợ vay theo Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ ngày 09/6/2021. Xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: bị đơn ông Đ, bà Y có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.3] Ông Đ, bà Y đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không lý do, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Xét tính hợp pháp của hợp tín dụng:

Ngày 09/6/2021, Ngân hàng TMCP B và bị đơn ông Đ, bà Y có ký kết Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD60020211343 để vay vốn số tiền 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*), mục đích vay tiêu dùng, mua sắm vật dụng gia đình, thời hạn vay 48 tháng (kể từ ngày 09/6/2021 đến 09/6/2025), lãi suất cho vay là 8,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất nợ lãi chậm trả 10%/năm. Giao kết giữa Ngân hàng và bị đơn là cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc; bị đơn là người có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự; hình thức, nội dung thoả thuận giữa các bên không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật, phù hợp với các Điều 401, 402, 405 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng:

Quá trình thực hiện hợp đồng vay, bị đơn có đóng tiền gốc và lãi theo thoả thuận, tuy nhiên từ 15/02/2024 bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng nữa. Căn cứ điểm 7.2, Điều 7 Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ nợ qua nợ quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc và nhắc nhở nhưng bị đơn cố tình tránh né không thực hiện nghĩa vụ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Ngân hàng khởi kiện buộc bị đơn ông Đ, bà Y phải trả nợ cho Ngân hàng tính đến ngày xét xử sơ thẩm 21/8/2024 số tiền 29.350.780 đồng (trong đó nợ gốc 24.525.000 đồng, lãi quá hạn 4.489.435 đồng, lãi chậm trả 336.345

đồng) là có căn cứ và đúng quy định tại các Điều 280, 466 của Bộ luật dân sự, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm 21/8/2024, bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn trên khoản tiền nợ gốc chưa trả tương ứng với thời gian chưa thi hành theo mức lãi suất mà các bên đã thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này

[3] Về án phí: căn cứ Điều 27 NQ 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.467.539 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 157, 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 401, 402, 405, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, 94, 95, 118 Luật các tổ chức tín dụng; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N.

**Tuyên xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B vì có căn cứ.

1. Buộc bị đơn ông Bùi Văn Đ, bà Bùi Thị Thanh Y có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 21/8/2024 là 29.350.780 đồng (*hai mươi chín triệu ba trăm năm mươi nghìn bảy trăm tám mươi đồng*). Trong đó nợ gốc 24.525.000 đồng, lãi quá hạn 4.489.435 đồng, lãi chậm trả 336.345 đồng theo Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD60020211343 ngày 09/6/2021.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn trên khoản tiền nợ gốc chưa trả tương ứng với thời gian chưa thi hành theo mức lãi suất mà các bên đã thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp có sự điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng đã được các bên thoả thuận trong hợp đồng thì lãi suất mà bị đơn phải chịu theo sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

2. Về án phí:

Bị đơn ông Đ, bà Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.467.539 đồng (*một triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm ba mươi chín đồng*).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền 942.000 đồng (*chín trăm bốn mươi hai nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí tại Biên lai thu tiền số 0004654 ngày 22/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Hòa.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**3. Về quyền kháng cáo:** đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Phú Hòa ;
- Chi cục THADS huyện Phú Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Cao Thị Thu Hà**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

## **Cao Thị Thu Hà**

